**BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

*Đơn vị: Việt Nam Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quyền lợi chính** | **Các điều kiện bảo hiểm chính** | **LỰA CHỌN 1** | **LỰA CHỌN 2** |
|  |
| **1. Điều trị nội trú, ngoại trú do tai nạn** | **25.000.000/năm** | **40.000.000/năm** |
| *Chi phí cấp cứu/ xe cứu thương, chi phí phẫu thuật và nằm viện, chi phí thuốc men .v.v.., theo hạn mức chi phí do Người được bảo hiểm chọn* | Tối đa đến STBH |
| **2. Chết, thương tật vĩnh viễn do ốm đau, bệnh tật** | **Không tham gia** |
| *Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn* | *100% STBH* |
| *Thương tật bộ phận vĩnh viễn* | *Theo Phụ lục Bảng tỉ lệ thương tật/ tàn tật vĩnh viễn* |
| **3. Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn** | **100.000.000/năm** | **250.000.000/năm** |
| *Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn* | *100% STBH* |
| *Thương tật bộ phận vĩnh viễn* | *Theo Phụ lục - Bảng tỉ lệ thương tật/ tàn tật vĩnh viễn* |
| **4. Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật.** | **165.000.000/năm** | **126.000.000/năm** |
| **a. Nằm viện**- Tiền phòng, phòng chăm sóc đặc biệt, phòng cấp cứu- Chi phí bệnh viện tổng hợp gồm xét nghiệm, XQ. Thuốc, quần áo, ô xy, huyết thanh…*Áp dụng cho cả chi phí điều trị trong ngày* | 2.750.000/ngàyTối đa**55.000.000/năm** | 2.100.000/ngàyTối đa**42.000.000/năm** |
| **b. Phẫu thuật**- Ốm bệnh- Cấy ghép nội tạng*(bao gồm cả phẫu thuật trong ngày, tiểu phẫu)* | **55.000.000/năm** | **VND 42,000,000** |
| **c. Các quyền lợi khác** |  |
| Chi phí trước khi nhập viện (30 ngày trước khi nhập viện) | 2.750.000/ngày | 2.100.000/năm |
| Chi phí điều trị sau khi xuất viện (30 ngày sau khi xuất viện) | 2.750.000/ngày | 2.100.000/năm |
| Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện (15 ngày/năm) | 2.750.000/ngày | 2.100.000/năm |
| Trợ cấp nằm viện (60 ngày/năm) | 100.000/ngày | 42.000/ngày |
| Phục hồi chức năng | 5.500.000/năm | 4.200.000/năm |
| Dịch vụ xe cứu thương (loại trừ SOS và đường hàng không) | 55.000.000/năm | 42.000.000/năm |
| Chi phí mai táng | 2.100.000/vụ | 2.100.000/vụ |
| **Quyền lợi bổ sung** | **Các điều kiện bảo hiểm bổ sung** |
| **1. Điều trị ngoại trú do ốm, bệnh** | **3.000.000** | **8.000.000** |
| Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí cho các xét nghiệm, chụp X-quang, siêu âm, chẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm.  | 600.000/lần khámKhông giới hạn số lần khám | 1.600.000/lần khámKhông giới hạn số lần khám |
| Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do bác sỹ chỉ định  | 100.000/ngày, tối đa 60 ngày/năm |
| Điều trị răng bao gồm:- Khám, chụp X.Q;- Viêm nướu (lợi), nha chu;- Trám răng bằng chất liệu thông thường như amalgam, composite, fuji...; - Điều trị tuỷ răng; - Cạo vôi răng (lấy cao răng); và - Nhổ răng bệnh lý (không bao gồm tiểu phẫu)Áp dụng đối với điều trị răng thuộc Quyền lợi điều trị Ngoại trú: Quyền lợi này chỉ được chi trả khi* Khám và điều trị tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh: chỉ chấp nhận thanh toán chi phí phát sinh tại các Bệnh viện hoặc các Phòng khám có thỏa thuận Bảo lãnh với Bảo Việt.
* Khám và điều trị tại các khu vực khác: mở rộng thanh toán chi phí khám và điều trị răng tại các Phòng khám có đăng ký kinh doanh và Giấy phép hành nghề hợp pháp.
* Từ chối bồi thường nếu khám và điều trị tại Nha khoa Happy – 26 Hàm Nghi, Tp. Đà Nẵng. Nha khoa Đại Nam-328 Ông Ích Khiêm, Đà Nẵng
* Từ chối bồi thường nếu khám và điều trị tại Nha khoa Việt Pháp, số 24 Trần Duy Hưng, Hà Nội
 | 600.000/năm(trong đó cạo vôi răng tối đa 400.000/năm) | 1.600.000/năm(trong đó cạo vôi răng tối đa 400.000/năm) |

*(\*) Số tiền bồi thường cho người được bảo hiểm một năm không vượt quá giới hạn tối đa trong Bảng tóm tắt hợp đồng bảo hiểm.*